

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN BIÊN
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/DS-ST

Ngày 16-10-2018

*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và góp hụi*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Tám;

+ Ông Nguyễn Khắc Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 178/2018/TLST-DS ngày 05/7/2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2018/QĐXXST-DS ngày 26/9/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hách Thị T, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ 10, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979; vắng mặt;

Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987; vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Tổ 9, ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Hách Thị T trình bày:

Về tiền vay:

Vào ngày 21/6/2015 âm lịch, bà có cho chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S vay số tiền 10.000.000 đồng để làm nhà. Bà giao tiền tại nhà chị D và anh S. Khi

vay không thỏa thuận rõ lãi suất, chỉ thỏa thuận bằng lời nói “sau một tháng sẽ trả tiền gốc và tiền lãi”. Từ lúc vay cho đến nay, chị D và anh S chưa trả cho bà được khoản tiền gốc và lãi nào.

Về tiền hội:

Vào ngày 20/7/2015 âm lịch, chị D và anh S có tham gia một dây hội 2.000.000 đồng, gồm 18 phần, một tháng mở hội một lần, do bà làm chủ hội. Chị D và anh S hót hội vào kỳ đầu tiên ngày 20/7/2015 âm lịch (do đã lâu nên bà không nhớ số tiền đã giao cho chị D, anh S). Sau khi hót hội, chị D và anh S không thực hiện nghĩa vụ nên còn nợ 17 kỳ hội chết chưa đóng là $17 \times 2.000.000 = 34.000.000$ đồng.

Vào ngày 30/8/2015 âm lịch, bà có tham gia góp hội giùm cho chị Dung và anh Sa; việc này không làm giấy tờ. Dây hội 2.000.000 đồng, gồm 15 phần, một tháng mở hội một lần. Chị D và anh S hót hội vào kỳ đầu tiên ngày 30/8/2015 âm lịch (do đã lâu nên bà cũng không nhớ số tiền đã giao chị D, anh S). Sau khi hót hội, chị D và anh S không thực hiện nghĩa vụ nên bà đã góp hội chết thay cho chị D và anh S cho chủ hội đến khi mãn hội là $14 \text{ kỳ} \times 2.000.000 = 28.000.000$ đồng.

Tổng số tiền hội và tiền vay chị D và anh S còn thiếu bà là 72.000.000 đồng; Sau khi bà khởi kiện, chị D và anh S đã trả được 1.000.000 đồng tiền hội vào tháng 9/2018, hiện còn nợ 71.000.000 đồng.

Hai bên không làm giấy tờ về xác định khoản nợ 71.000.000 đồng nhưng chị D và anh S có ký giấy cho bà xác nhận về việc tham gia 02 phần hội như trình bày nêu trên (Bút lục số 22).

Nay bà yêu cầu chị D và anh S hoàn trả số tiền hội 61.000.000 đồng và tiền vay 10.000.000 đồng. Tổng cộng 71.000.000 đồng. Bà không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ D trình bày:

Về tiền vay: Cách đây khoảng mấy năm, chị không nhớ rõ thời gian, chị có vay của bà T 10.000.000 đồng, mục đích vay để xoay sở trong gia đình. Khi vay không làm giấy tờ có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 80.000 đồng/1.000.000 đồng/1 tháng và thời hạn trả là sau khi vay 01 đến 02 tháng. Chị đã trả được một tháng tiền lãi. Tuy nhiên do làm ăn khó khăn nên chị không có tiền để trả cho bà T.

Về việc tham gia góp hội: Chị thống nhất với lời trình bày của bà T về việc tham gia 02 phần hội 2.000.000 đồng và còn nợ lại bà T 62.000.000 đồng. Còn các thông tin về ngày khai hội, ngày hót hội, số tiền tiền hót: chị không nhớ. Mục đích tham gia góp hội với bà T là để xoay sở trong gia đình. Sau khi bà T khởi kiện, chị đã trả được 1.000.000 đồng tiền hội, còn lại 61.000.000 đồng.

Chị thống nhất với bà T về việc chị và anh S có ký giấy cho bà xác nhận về việc tham gia 02 phần hội như trình bày nêu trên (Bút lục số 22). Chị đồng ý hoàn trả 61.000.000 đồng tiền hội và 10.000.000 đồng tiền vay theo yêu cầu của bà T.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/9/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:

Anh biết vợ của anh là chị Nguyễn Thị Mỹ D có tham gia góp hụi và vay tiền của bà T, nhưng cụ thể vay bao nhiêu, tham gia những dây hụi nào thì anh không biết. Anh thừa nhận vợ chồng anh còn nợ bà T nhưng không biết rõ số tiền cụ thể. Mục đích chị D tham gia chơi hụi và vay tiền là để xoay sở trong gia đình và đóng hụi chết cho bà T. Tháng 09/2018 anh, chị đã trả cho bà T được 1.000.000 đồng. Nay bà Thu khởi kiện yêu cầu anh và chị D trả nợ thì anh không đồng ý trả, nếu bà T rút đơn thì anh mới cùng trả với chị D.

Kết quả thu thập chứng cứ trong giai đoạn chuẩn bị xét xử: Chị D có họ tên đầy đủ là Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1987; hiện nay chị D và anh S vẫn đang là vợ chồng, cùng sống chung nhà, cùng chăm lo gia đình chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục thụ lý, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S có trách nhiệm trả cho bà Hách Thị T số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền hụi 61.000.000 đồng. Tổng cộng 71.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về việc vắng mặt đương sự:

Bà Hách Thị T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Mỹ D đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, chị D và anh a.

[2] Các đương sự thống nhất giao dịch vay tiền và góp hụi được xác lập vào năm 2015 nên áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Anh S thừa nhận còn nợ tiền bà T nhưng không rõ số tiền cụ thể, do chị Dung là người trực tiếp vay tiền và tham gia góp hụi. Chị D thừa nhận chị và anh S có vay tiền và tham gia góp hụi của bà T, hiện nay còn nợ bà T số tiền vay 10.000.000 đồng, tiền hụi 61.000.000 đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết không phải chứng minh. Xác định số tiền vay chị D, anh S còn nợ bà T là 10.000.000 đồng tiền vay và 61.000.000 đồng tiền hụi; tổng cộng 71.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Anh S thừa nhận về việc tham gia góp hụi, vay tiền của bà Thu dùng vào việc xoay sở trong gia đình của anh chị. Mặc dù là giao dịch do một mình chị D thực hiện nhưng phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình chung của chị D và anh S nên căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh S có trách nhiệm liên đới cùng chị D hoàn trả cho bà T 71.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị D và anh S phải chịu 71.000.000 đồng x 5% = 3.550.000 (ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 474 và Điều 479 Bộ luật Dân sự 2005; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Khóa XIV):

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hách Thị T số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền hụi 61.000.000 đồng. Tổng cộng 71.000.000 (bảy mươi một triệu) đồng. Ghi nhận bà Hách Thị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà Hách Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S còn phải trả cho bà Hách Thị T số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Nguyễn Văn S chịu 3.550.000 (ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hách Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn cho bà Hách Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.800.000 (một triệu tám trăm nghìn) đồng dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0005427 ngày 05/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Bà Hách Thị T, anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Thị Mỹ D được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTr-NV-THA, Tòa án tỉnh TN;
- VKS cùng cấp, cấp trên;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.H.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Oanh